

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

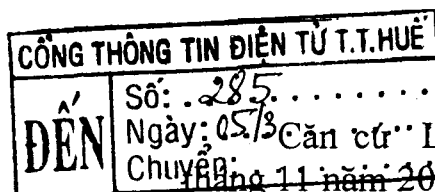
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **09** /2014/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày **28** tháng 02 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh;

Căn cứ Thông tư số 39/2010/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các loại thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm được hỗ trợ theo Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg ngày 31/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 187/2010/TT-BTC ngày 22 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh;

Căn cứ Quyết định số 49/2012/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh;

Căn cứ Thông tư số 33/2013/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 2 Thông tư số 187/2010/TT-BTC ngày 22 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 116/STC-QLNS ngày 17 tháng 01 năm 2014 và số 300/STC-QLNS ngày 14 tháng 02 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế như sau:

1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg ngày 31/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch



bệnh; Thông tư số 187/2010/TT-BTC ngày 22/11/2010 của Bộ Tài chính quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh và Thông tư số 39/2010/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các loại thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm được hỗ trợ theo Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg ngày 31/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Giải thích từ ngữ

- Cây rau màu: là những loài cây trồng hằng năm như cây gia vị, rau ăn thân lá, củ, quả và các loại củ, quả, các loại đậu thực phẩm; nhóm cây hoa; nhóm cây lấy bột; nhóm cây lấy sợi; cây có hạt chứa dầu; mía, ...

- Cây công nghiệp lâu năm: là những loài cây công nghiệp có thời gian kiến thiết cơ bản và thời gian kinh doanh trong nhiều năm, cụ thể: cao su, cà phê, hồ tiêu, điều, ca cao, ...

- Cây ăn quả lâu năm: là những loài cây ăn quả có thời gian kiến thiết cơ bản và thời gian kinh doanh trong nhiều năm như: xoài, mận, ổi, cam, bưởi, thanh trà, mít, dừa, cau, thanh long, sầu riêng,...

- Gia cầm gồm: gà, vịt, ngan, ngỗng, chim cút, chim bồ câu, v.v...

3. Mức hỗ trợ

3.1. Hỗ trợ đối với diện tích cây trồng:

a) Thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm:

STT	Đối tượng được hỗ trợ	Đơn vị tính	Thiệt hại từ 30-70%	Thiệt hại hơn 70%
1	Diện tích gieo cấy lúa thuần	đồng/ha	1.000.000	2.000.000
2	Diện tích mạ lúa thuần	đồng/ha	10.000.000	20.000.000
3	Diện tích lúa lai	đồng/ha	1.500.000	3.000.000
4	Diện tích mạ lúa lai	đồng/ha	15.000.000	30.000.000
5	Diện tích ngô và rau màu các loại	đồng/ha	1.000.000	2.000.000
6	Diện tích cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm	đồng/ha	2.000.000	4.000.000

b) Riêng thiệt hại do bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá và bệnh lùn sọc đen hại lúa thực hiện theo quy định tại Thông tư số 53/2010/TT-BTC ngày 14/4/2010 của Bộ Tài chính quy định về chế độ tài chính để thực hiện phòng, trừ bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá và bệnh lùn sọc đen hại lúa.

c) Ngoài ra, đối với diện tích lúa bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh còn được nhà nước hỗ trợ phân bón và thuốc bảo vệ thực vật theo Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 11/5/2012 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa và Thông tư số 205/2012/TT-BTC ngày 23/11/2012 hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa (Đối với diện tích gieo cấy trong phạm vi 45 ngày bị thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 2.500.000 đồng/ha; bị thiệt hại từ 30-70%, hỗ trợ 1.750.000 đồng/ha. Đối với diện tích gieo cấy trên 45 ngày bị

thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 5.000.000 đồng/ha; bị thiệt hại từ 30-70%, hỗ trợ 3.500.000 đồng/ha).

3.2. Hỗ trợ đối với vật nuôi

a) Thiệt hại do thiên tai:

STT	Đối tượng được hỗ trợ	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ
1	Gia cầm hỗ trợ đối với:		
	- Chim cú	đồng/con	10.000
	- Chim bồ câu	đồng/con	15.000
	- Các gia cầm còn lại	đồng/con	20.000
2	Lợn	đồng/con	750.000
3	Trâu, bò, ngựa	đồng/con	3.000.000
4	Bê, nghé	đồng/con	1.500.000
5	Hươu, dê	đồng/con	1.500.000

b) Thiệt hại do dịch bệnh nguy hiểm:

Thực hiện theo Quyết định số 719/QĐ-TTg ngày 05/6/2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm; Thông tư số 80/2008/TT-BTC ngày 18/9/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính để phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và Quyết định số 1442/QĐ-TTg ngày 23/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 719/QĐ-TTg ngày 05/6/2008 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm.

3.3. Hỗ trợ đối với nuôi thủy, hải sản:

TT	Đối tượng được hỗ trợ	Đơn vị tính	Thiệt hại từ 30% đến 50%	Thiệt hại trên 50% đến 70%	Thiệt hại trên 70% đến 90%	Thiệt hại trên 90%
1	Diện tích nuôi cá truyền thống	đồng/ha	5.000.000	7.000.000	9.000.000	10.000.000
2	Diện tích nuôi tôm quảng canh, xen ghép	đồng/ha	3.000.000	4.000.000	5.000.000	6.000.000
3	Diện tích nuôi tôm sú thâm canh	đồng/ha	5.000.000	6.000.000	7.000.000	8.000.000
4	Diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh	đồng/ha	15.000.000	20.000.000	25.000.000	30.000.000
5	Diện tích nuôi ngao	đồng/ha	30.000.000	40.000.000	50.000.000	60.000.000
6	Lồng, bè nuôi	đồng/100 m ³ lồng	4.000.000	6.000.000	8.000.000	10.000.000

4. Trường hợp hỗ trợ bằng hiện vật giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản thì mức hỗ trợ tương đương mức hỗ trợ bằng tiền được quy đổi theo giá tại thời điểm hỗ trợ.

Điều 2. Điều kiện thực hiện

1. Thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm xảy ra trên từng địa bàn làm căn cứ hỗ trợ giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản phải nằm trong vùng có quyết định công bố loại thiên tai, dịch bệnh của cấp có thẩm quyền.

Đối với trường hợp đặc biệt, ngay từ khi phát sinh ổ dịch đầu tiên cần phải xử lý (chưa đủ điều kiện công bố dịch) theo yêu cầu của công tác phòng, chống dịch để hạn chế dịch lây lan, trên cơ sở đề xuất của các ngành, các cấp, giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định tính chất và mức độ thiệt hại, Sở Tài chính phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức hỗ trợ kinh phí phòng, chống dịch từ ngân sách nhà nước cho phù hợp, nhưng tối đa không vượt quá mức hỗ trợ theo quy định tại khoản 3, Điều 1 Quyết định này.

2. Diện tích cây trồng, diện tích nuôi trồng thủy sản, hải sản và số lượng gia súc, gia cầm bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm phải có xác nhận của chính quyền cấp xã, cơ quan quản lý chuyên ngành và các đơn vị có liên quan khác làm căn cứ thanh toán hỗ trợ.

a) Quy trình xác nhận diện tích cây trồng, diện tích nuôi trồng thủy sản, hải sản và số lượng vật nuôi bị thiệt hại thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 187/2010/TT-BTC ngày 22 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh. Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế (gọi chung là huyện) và Chủ tịch UBND cấp xã, các thành viên tham gia Hội đồng kiểm tra chịu trách nhiệm trước pháp luật về cơ sở pháp lý của số liệu xác nhận để làm căn cứ thanh toán hỗ trợ.

b) UBND các huyện báo cáo mức độ thiệt hại, nhu cầu kinh phí hỗ trợ giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm và phương án tài chính thực hiện, gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Tài chính; Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định mức độ thiệt hại, Sở Tài chính tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh nguồn kinh phí để đáp ứng kịp thời nhu cầu hỗ trợ giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm theo quy định tại Quyết định này.

3. Về biểu mẫu báo cáo

Ủy ban nhân dân các huyện tổng hợp nhu cầu thực hiện chính sách theo các Phụ lục I, II, III kèm theo Quyết định này.

4. Các quy định khác không nêu trong Quyết định này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 187/2010/TT-BTC ngày 22/11/2010 của Bộ Tài chính; Thông tư số 33/2013/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 187/2010/TT-BTC và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh đảm bảo 85% kinh phí mức hỗ trợ giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản. Ngân sách các huyện đảm bảo 15% kinh phí còn lại.

Đối với các huyện có mức độ thiệt hại lớn, nếu phần kinh phí 15% ngân sách các huyện đảm bảo vượt quá 35% nguồn dự phòng ngân sách được Hội đồng nhân dân tỉnh giao, trên cơ sở đề nghị của các huyện, ngân sách cấp tỉnh sẽ bổ sung thêm phần chênh lệch vượt quá 35% dự phòng ngân sách các huyện để các địa phương có đủ nguồn kinh phí thực hiện.

2. Nguồn kinh phí hỗ trợ thiệt hại do bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá và bệnh lùn sọc đen hại lúa tại mục b điểm 3.1 Điều 1 của Quyết định này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 53/2010/TT-BTC ngày 14/4/2010 của Bộ Tài chính quy định về chế độ tài chính để thực hiện phòng, trừ bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá và bệnh lùn sọc đen hại lúa.

3. Nguồn kinh phí hỗ trợ phân bón và thuốc bảo vệ thực vật tại mục c điểm 3.1 khoản 3 điều 1 của quyết định này được sử dụng từ nguồn kinh phí hỗ trợ để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa theo quy định tại Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 11/5/2012 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

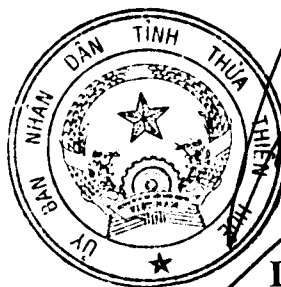
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, các thị xã và thành phố Huế và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB QPPL Bộ TP;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Báo T T Huế;
- Lưu VT, TC (02), NN, TH, TK.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Trường Lưu



Phụ lục I

(Kèm theo Quyết định số 09 /2014/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2014 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

NHU CẦU HỖ TRỢ GIỐNG CÂY TRỒNG ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIÊN TAI, DỊCH BỆNH

(Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)

STT	Chỉ tiêu	Tổng hợp thiệt hại												Kinh phí hỗ trợ giống				
		Diện tích thiệt hại từ 30% - 70%						Diện tích thiệt hại hơn 70%						Tổng NSNN h trợ (tr.đ)	Trong đó			
		Gieo cấy lúa thuần (ha)	Mạ lúa thuần (ha)	Gieo cấy lúa lai (ha)	Mạ lúa lai (ha)	Diện tích ngô và rau màu các loại (ha)	Cây công nghiệp và ăn quả lâu năm (ha)	Gieo cấy lúa thuần (ha)	Mạ lúa thuần (ha)	Gieo cấy lúa lai (ha)	Mạ lúa lai (ha)	Diện tích ngô và rau màu các loại (ha)	Cây công nghiệp và ăn quả lâu năm (ha)		NS Tỉnh hỗ trợ (ng.đ)	NS cấp huyện đảm bảo (ng.đ)	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NS Tỉnh quy ra tiền	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NS cấp huyện quy ra tiền
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	Tổng số																	
1	Xã A																	
2	Xã B																	
3																		

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Ngày tháng năm
Chủ tịch UBND cấp huyện
(Ký tên đóng dấu)



Phụ lục II

(Kèm theo Quyết định số 09 /2014/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2014 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

NHU CẦU HỖ TRỢ GIỐNG VẬT NUÔI ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIÊN TAI, DỊCH BỆNH

(Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)

STT	Chỉ tiêu	Thiệt hại đối với vật nuôi						Kinh phí hỗ trợ giống				
								Tổng NSNN h trợ (ng.đ)	Trong đó:			
		Chim cút (con)	Chim bồ câu (con)	Gia cầm các loại (con)	Lợn (con)	Trâu, bò, ngựa (con)	Hươu, nai, cừu, dê (con)		NS Tỉnh hỗ trợ (ng.đ)	NS cấp huyện đảm bảo (ng.đ)	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NS Tỉnh quy ra tiền	Hỗ trợ bằng hiện vật từ NS cấp huyện quy ra tiền
1	2	4			5	6	7	12	13	14	15	16
	Tổng số											
1	Xã A											
2	Xã B											
3	...											

Ghi chú: Không bao gồm hỗ trợ theo Quyết định số 1459/QĐ-TTg ngày 7/11/2006 và Văn bản số 1486/TTg-KTN ngày 9/9/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Cơ quan Thú y huyện

Ngày tháng năm
Chủ tịch UBND cấp huyện
(Ký tên đóng dấu)

(Kèm theo Quyết định số **09** /2014/QĐ-UBND ngày **28** tháng 02 năm 2014 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

NHU CẦU HỖ TRỢ GIỐNG THỦY SẢN ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT VÙNG BỊ THIÊN TAI, DỊCH BỆNH

(Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)

[illegible]

Ngày tháng năm
Chủ tịch UBND cấp huyện
(Ký tên đóng dấu)